

Bản án số: **430/2020/KDTM-PT**

Ngày: 29/5/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán:

1/ Bà Trương Thị Thảo

2/ Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 và 29 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/KTPT ngày 24/2/2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 189/2019/KDTM-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1580/2020/QĐXX-PT ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (ACB)

Trụ sở: 442 N, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Huỳnh Thị Trúc M (có mặt)

- Ông Nguyễn Bá L (có mặt ngày 12, vắng mặt ngày 29/5)

Cùng địa chỉ: Lầu 8, Toà nhà A Tower số A, Phường B, Quận C, Thành phố H.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M

Địa chỉ: Phòng 2.1, Lầu 2, số 90-92 R, phường BT, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị Kim P

Địa chỉ: Số 59 đường số S, Khu phố D, phường H, quận TĐ, Thành phố H (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Hồ Thị Kim P, sinh năm 1975 (có mặt)

3.2 Ông Nguyễn Việt Hoài TH, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 59 đường số S, Khu phố D, phường H, quận TĐ, Thành phố H.

3.3 Ông Trần Phú X, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt)

3.4 Bà Trần Thị Q, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 173/25/19 đường N, khu phố 3, phường TL, Thành phố BH, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký với nhau các hợp đồng như sau:

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KYH.DN.02140909 ngày 14/9/2009; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KYH.DN.02050410 ngày 05/04/2010; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KHO.DN.15.060711/TT ngày 13/06/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KHO.DN.16.160811/TT ngày 12/9/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KHO.DN.20.120613/TT ngày 14/6/2013; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KYH.DN.90.051213 ngày 06/12/2013.

Thực hiện theo các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng trên, Ngân hàng và Công ty đã giao kết các Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số KHO.DN.21.120613/TT ngày 14/6/2013, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số KHO.DN.94.051213 ngày 06/12/2013, Hợp đồng hạn mức thấu chi số KHO.DN.165.051213 ngày 06/12/2013, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm thư bảo lãnh ngày 19/8/2013 và được giải ngân bằng các khế ước nhận nợ, hợp đồng cụ thể như sau:

1. Theo khế ước nhận nợ số 166674659 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 67.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 24/09/2013 đến 24/03/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

2. Theo khế ước nhận nợ số 166742959 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 67.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 25/09/2013 đến 25/03/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

3. Theo khế ước nhận nợ số 167249219 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 338.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 04/10/2013 đến 04/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

4. Theo khế ước nhận nợ số 167131239 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 505.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 02/10/2013 đến 02/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

5. Theo khế ước nhận nợ số 167453029 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 505.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 08/10/2013 đến 08/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

6. Theo khế ước nhận nợ số 167548649 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 160.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 10/10/2013 đến 10/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

7. Theo khế ước nhận nợ số 167642199 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 265.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 11/10/2013 đến 11/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

8. Theo khế ước nhận nợ số 167731369 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 90.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 14/10/2013 đến 14/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

9. Theo khế ước nhận nợ số 167731829 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 70.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 14/10/2013 đến 14/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

10. Theo khế ước nhận nợ số 168147949 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 168.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 22/10/2013 đến 22/04/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 12,2%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

11. Theo khế ước nhận nợ số 169338629 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 703.600.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn

vay 6 tháng từ 14/11/2013 đến 14/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

12. Theo khế ước nhận nợ số 169386789 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 700.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 15/11/2013 đến 15/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

13. Theo khế ước nhận nợ số 169425439 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 626.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 16/11/2013 đến 16/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

14. Theo khế ước nhận nợ số 169503799 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 295.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 18/11/2013 đến 18/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

15. Theo khế ước nhận nợ số 169565899 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 363.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 19/11/2013 đến 19/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

16. Theo khế ước nhận nợ số 169709739 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 730.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 22/11/2013 đến 22/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

17. Theo khế ước nhận nợ số 169835319 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 196.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 25/11/2013 đến 25/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

18. Theo khế ước nhận nợ số 169893689 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 197.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 26/11/2013 đến 26/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

19. Theo khế ước nhận nợ số 169925479 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 110.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 27/11/2013 đến 27/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

20. Theo khế ước nhận nợ số 169986999 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 314.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 28/11/2013 đến 28/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

21. Theo khế ước nhận nợ số 170044509 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 276.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 29/11/2013 đến 29/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

22. Theo khế ước nhận nợ số 170084509 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 440.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 30/11/2013 đến 30/05/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

23. Theo khế ước nhận nợ số 170217609 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 406.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 03/12/2013 đến 03/06/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

24. Theo khế ước nhận nợ số 170263329 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 518.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 04/12/2013 đến 04/06/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

25. Theo khế ước nhận nợ số 170332269 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 238.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 05/12/2013 đến 05/06/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

26. Theo khế ước nhận nợ số 170477799 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 2.000.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 09/12/2013 đến 09/06/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

27. Theo khế ước nhận nợ số 170479479 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 3.946.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 6 tháng từ 09/12/2013 đến 09/06/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

28. Theo khế ước nhận nợ số 170701959 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 208.400.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn

vay 6 tháng từ 12/12/2013 đến 12/06/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 11,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

29. Theo khế ước nhận nợ số 161488449 ngân hàng giải ngân cho Công ty vay số tiền 1.400.000.000 đồng để Công ty bổ sung vốn kinh doanh mua bán, lắp ráp sửa chữa đồ điện gia dụng, điện tử, điện lạnh, bảo lãnh trong nước; Thời hạn vay 12 tháng từ 06/12/2013 đến 06/12/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 13,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

30. Thẻ tín dụng số 4791 4030 7000 4065 ngân hàng cấp hạn mức 300.000.000 đồng cho Công ty để phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của Công ty; Thời hạn từ 19/08/2011 đến 19/08/2014, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 25,8%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì các bên đã ký các Hợp đồng thế chấp với chi tiết như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của người thứ ba số KHO.BĐDN.16.160811/TT ngày 12/09/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của người thứ ba để vay vốn bổ sung số KHO.BĐDN.52.070912 ngày 10/09/2012 có nội dung ông Nguyễn Việt Hoài Tựa bà Hồ Thị Kim P thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 561/19/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Thi, bà Phụng để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số KYH.DN.01160909 ngày 16/9/2009, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn bổ sung số KHO.BĐDN.15.090611/TT ngày 13/6/2011, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn bổ sung số 657329 ngày 14/6/2013 có nội dung ông Trần Phú X và bà Trần Thị Q thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 173/25/19 đường Quốc lộ 1, phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Xuân, bà Quyên để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số KYH.BĐDN.01050410 ngày 05/04/2010; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để vay vốn bổ sung số KHO.BĐDN.16.070611/TT ngày 14/6/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để vay vốn bổ sung số 659942 ngày 14/6/2011 có nội dung bà Lê Anh Thúy thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 98/10C đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sử dụng của Thúy để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số KHO.BĐDN.39.051213 ngày 06/12/2013 có nội dung bà Bùi Thị Tuyết Nga thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại số 126B Phan

Đình Phùng, phường Thanh Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Bùi Thị Tuyết Nga để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty.

Ngoài ra ông Nguyễn Việt Hoài T và Bà Hồ Thị Kim P còn ký chứng thư bảo lãnh ngày 06/12/2013 có nội dung ông T và bà P đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng (Công ty M) với Ngân hàng khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với Ngân hàng (bao gồm gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty đã trả được một phần nợ gốc, rút một phần tài sản thế chấp, cụ thể:

- Ngày 20/8/2015: Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.215.300.000 đồng vào nợ gốc và rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 126B Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Bùi Thị Tuyết Nga;

- Ngày 28/11/2016: Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.300.000.000 đồng vào nợ gốc và rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 98/10C đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sử dụng của bà Lê Anh Th;

- Ngày 07/7/2017 Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.900.000.000 đồng vào nợ gốc và rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 561/19/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P.

Do đó, Ngân hàng đã có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14/10/2015, 10/12/2015, 14/12/2016, 28/5/2018 rút một phần yêu cầu khởi kiện xử lý xác tài sản thế chấp đã đồng ý cho bị đơn rút.

Căn cứ các khế ước nhận nợ nêu trên, ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn tuy nhiên quá trình vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử 08/10/2019 bị đơn còn nợ tổng cộng 11.337.847.154 đồng (bao gồm: Nợ gốc: 2.497.413.296 đồng, lãi trong hạn: 589.051.348 đồng, lãi quá hạn: 7.846.368.568 đồng và lãi phạt: 405.013.942 đồng).

Nguyên đơn giữ nguyên việc rút yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp đã đồng ý cho bị đơn rút nêu trên và yêu cầu Công ty thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/10/2019 là 11.337.847.154 đồng đồng (bao gồm nợ gốc 2.497.413.296 đồng, lãi trong hạn 589.051.348 đồng, lãi quá hạn 7.846.368.568 đồng và lãi phạt 405.013.942 đồng).

Bị đơn tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ từ ngày 09/10/2018 đến ngày Công ty trả dứt nợ. Nếu Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp còn lại là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 173/25/19 quốc lộ 1 (số mới

173/25/19 N, khu phố A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đthuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông và bà Trần Thị Q để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để ngân hàng thu hồi nợ thì yêu cầu buộc ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P liên đới tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 09/12/2013.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Hồ Thị Kim P trình bày:

Công ty xác nhận có giao kết với Ngân hàng TMCP A– Chi nhánh Kỳ Hòa các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KYH.DN.02140909 ngày 14/9/2009; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KYH.DN.02050410 ngày 05/04/2010; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KHO.DN.15.060711/TT ngày 13/06/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KHO.DN.16.160811/TT ngày 12/9/2011; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KHO.DN.20.120613/TT ngày 14/6/2013; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số KYH.DN.90.051213 ngày 06/12/2013; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số KHO.DN.21.120613/TT ngày 14/6/2013, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số KHO.DN.94.051213 ngày 06/12/2013, Hợp đồng hạn mức thấu chi số KHO.DN.165.051213 ngày 06/12/2013, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm thư bảo lãnh ngày 19/8/2013.

Các hợp đồng trên bao gồm các khoản vay ngắn hạn 14.200.000.000 đồng; vay thấu chi 1.400.000.000 đồng và vay thẻ business 300.000.000 đồng. Tổng cộng 15.900.000.000 đồng.

Từ 31/03/2014 đến nay, do Công ty kinh doanh khó khăn nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng.

Các khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Bất động sản tại 685/30/55 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, Quận Bình Thạnh thuộc sở hữu của ông Nguyễn Việt Hoài T và Hồ Thị Kim P đảm bảo cho khoản vay 4.774.000.000 đồng.

- Bất động sản tại 126B Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của bà Bùi Thị Tuyết N đảm bảo cho khoản vay 5.800.000.000 đồng.

- Bất động sản tại 98/10C Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của bà Lê Anh T đảm bảo cho khoản vay 2.300.000.000 đồng.

- Bất động sản tại 175/25/19 Quốc lộ 1 (Nguyễn Ái Quốc) Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của ông Trần Phú X và bà Trần Thị Q đảm bảo cho khoản vay 2.305.000.000 đồng.

Số tiền vay còn lại là tín chấp. Từ tháng 07/2014 Công ty đã ngừng hoạt động do không còn vốn, nợ nần nhiều.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty đã trả được một phần nợ gốc, rút một phần tài sản thế chấp, cụ thể:

- Ngày 20/8/2015: Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.215.300.000 đồng vào nợ gốc và rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại

số 126B Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Bùi Thị Tuyết N;

- Ngày 28/11/2016: Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.300.000.000 đồng vào nợ gốc và rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 98/10C đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sử dụng của bà Lê Anh T;

- Ngày 07/7/2017 Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.900.000.000 đồng vào nợ gốc và rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 561/19/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P.

Trong tổng số các khoản nợ nguyên đơn yêu cầu tạm tính đến ngày xét xử 08/10/2019 tổng cộng 15.900.000.000 đồng (bao gồm: Nợ gốc: 2.497.413.296 đồng, lãi trong hạn: 589.051.348 đồng, lãi quá hạn: 7.846.368.568 đồng và lãi phạt: 405.013.942 đồng) bị đơn có ý kiến như sau: Bị đơn xác nhận trách nhiệm trả khoản nợ gốc còn lại 2.497.413.296 đồng; lãi trong hạn: 589.051.348 đồng, lãi quá hạn tính đến: 7.177.803.738 đồng. Không đồng ý trả tiền lãi phạt chậm trả 405.013.942 đồng và tiền lãi của khoản sử dụng thế tín dụng 668.564.830 đồng vì lý do từ năm 2014 công ty đã không còn sử dụng thế tín dụng.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả đầy đủ các khoản nợ thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp còn lại là nhà đất tại số 175/25/19 Quốc lộ 1 (Nguyễn Ái Quốc) Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của ông Trần Phú X và bà Trần Thị Q để nguyên đơn thu hồi nợ.

Bà không đồng ý liên đới cùng ông Nguyễn Việt Hoài T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 09/12/2013 vì lý do tất cả các khoản vay đều có tài sản đảm bảo và chứng thư bảo lãnh là mẫu do ngân hàng đưa ra buộc bà và ông T ký mới giải ngân tiền. Ngoài ra, chứng thư bảo lãnh không xác định cụ thể trách nhiệm bảo lãnh của bà và ông T đối với nghĩa vụ cụ thể nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Việt Hoài T trình bày:

Ông xác nhận có cùng bà Hồ Thị Kim P ký Chứng thư bảo lãnh ngày 09/12/2013. Ông thống nhất với nội dung trình bày và ý kiến của bà Phượng đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông không đồng ý thực hiện theo chứng thư bảo lãnh ký ngày 09/12/2013 vì từng khoản vay của công ty đã được đảm bảo bởi tài sản thế chấp và chứng thư bảo lãnh nêu trên không có nội dung rõ ràng về nghĩa vụ phải thực hiện. Ngoài ra, đây chỉ là mẫu do ngân hàng buộc khách hàng ký khi vay mới được giải ngân chứ không phải sự thỏa thuận của các bên cụ thể về trách nhiệm, phạm vi nghĩa vụ được bảo lãnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phú X và bà Trần Thị Q trình bày:

Ông và bà Trần Thị Q có dùng tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 173/25/19 đường Quốc lộ 1, phường Tân Phong, Thành phố Biên

Hoà, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của ông bà thế chấp đảm bảo cho khoản vay 2.305.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M đối với Ngân hàng. Ông bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để nguyên đơn thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ.

Ông X, bà Q trình bày thêm trong quá trình giải quyết vụ án ông bà có cho ông Phòng Thắng Thắng là chủ cơ sở sản xuất nước tương Thuận Lợi thuê căn nhà tại địa chỉ 173/25/19, Quốc lộ 1, phường Tân Phú, Tp Biên Hòa là tài sản thế chấp để sử dụng. Tuy nhiên, hợp đồng thuê đã hết hạn và hiện nay ông Thắng đã giao lại căn nhà trên cho ông bà. Căn nhà trên hiện đang khóa cửa và không có ai cư trú tại đây.

Bản án sơ thẩm số 189/2019/KDTM-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử với các yêu cầu sau của nguyên đơn:

- Yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 13.402.586.704 đồng;
- Yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 126B Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Bùi Thị Tuyết N.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 98/10C đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sử dụng của bà Lê Anh T.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 561/19/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu của các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ đã giao kết tạm tính đến ngày 08/10/2019 là 10.932.833.212 đồng (gồm nợ gốc 2.497.413.296 đồng; Lãi trong hạn 589.051.348 đồng; Lãi quá hạn 7.846.368.568 đồng). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/10/2019 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu có quan thi

hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 173/25/19 đường Quốc lộ 1 (số mới là 173/25/19 N, khu phố A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đthuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Phú X và bà Trần Thị Q để thu hồi nợ. Trường hợp bên vay trả đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả cho bên thế chấp bản chính các giấy tờ đang giữ được liệt kê cụ thể trong hợp đồng thế chấp.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 405.013.942 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Việt Hoài T và Bà Hồ Thị Kim P phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo chứng thư bảo lãnh ngày 09/12/2013 trong trường hợp bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2019, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận Chứng thư bảo lãnh ngày 06/12/2013 của cá nhân ông Nguyễn Việt Hoài T, bà Hồ Thị Kim P. Còn các nội dung kháng cáo khác thì đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo: Xét thấy nguyên đơn kháng cáo 3 nội dung của bản án sơ thẩm. Đó là phần phạt chậm trả lãi 405.013.942 đồng; yêu cầu buộc

ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ngày 06/12/2013; buộc Công ty M liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh ngày 18/9/2011, 09/12/2013 trong trường hợp bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đây là vấn đề cần xem xét.

[1.1] *Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về lãi chậm trả:* Các bên đã thống nhất số nợ gốc, nợ lãi mà Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M còn nợ Ngân hàng TMCP A tính đến ngày 08/10/2019 là 10.932.833.212 đồng (gồm nợ gốc 2.497.413.296 đồng; Lãi trong hạn 589.051.348 đồng; Lãi quá hạn 7.846.368.568 đồng). Tuy nhiên bị đơn không đồng ý khoản lãi phạt cũng như trách nhiệm liên đới. Xét thấy căn cứ theo Khoản 1 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 gồm lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 405.013.942 đồng là có cơ sở.

[1.2] *Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn theo chứng thư bảo lãnh ngày 06/12/2013, buộc Công ty M liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh ngày 18/9/2011, 09/12/2013:* Xét thấy chứng thư bảo lãnh có nội dung: Nghĩa vụ bảo lãnh theo chứng thư bao gồm “toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo lãnh với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, các cam kết của bên được bảo lãnh khi được ACB cấp tín dụng dưới hình thức khác (chiết khấu, cấp thẻ tín dụng, mở L/c.....) và các cam kết khác của bên được bảo lãnh với ACB...”. Như vậy, chứng thư có nội dung không rõ ràng, không xác định cụ thể nghĩa vụ mà ông T, bà P cũng như Công ty M phải thực hiện việc bảo lãnh. Thực tế, giữa bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M và Ngân hàng TMCP A trên thực tế giao kết nhiều hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, khế ước nhận nợ. Việc các bên thỏa thuận phạm vi bảo lãnh như trên căn cứ theo quy định tại Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005 là không cụ thể về phạm vi bảo lãnh.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay, phía đại diện Ngân hàng thừa nhận chứng thư bảo lãnh là do phía Ngân hàng lập và đưa bà P, ông T ký. Còn bà P, ông T thì khai do đang cần tiền nên ký mà không đọc kỹ, nay thấy nội dung bảo lãnh không rõ ràng nên không đồng ý thực hiện. Căn cứ Khoản 2 Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về Hợp đồng theo mẫu quy định trong trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó. Vì vậy, cấp sơ thẩm nhận định Chứng thư bảo lãnh ngày 06/12/2013 không có hiệu lực pháp lý buộc bên bảo lãnh phải thực hiện là đúng pháp luật.

[1.4] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía đại diện Ngân hàng cũng thừa nhận, sau khi Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, phía Ngân hàng cũng đã thỏa thuận với phía bị đơn trả nợ gốc và giải chấp các tài sản thế chấp đã được thế chấp, đăng ký giao dịch đảm bảo trong khi bị đơn chưa thực hiện việc trả toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Nay phía Ngân hàng lại yêu cầu bà Phượng, ông T cũng như Công ty M liên đới tiếp tục trả các khoản nợ theo chứng thư bảo lãnh là chưa phù hợp với thỏa thuận của các bên về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[1.5] Từ những nhận định nói trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1.6] Về án phí:

[1.6.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên án phí của bản án sơ thẩm.

[1.6.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng TMCP A phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, theo Theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP A đã đóng 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A 1.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 189/2019/KDTM-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

1. Đình chỉ xét xử với các yêu cầu sau của nguyên đơn:

- Yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 13.402.586.704 (mười ba tỷ bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng);
- Yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 126B Phan Đình Phùng, phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Bùi Thị Tuyết N.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 98/10C đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sử dụng của bà Lê Anh T.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 561/19/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Việt Hoài T và bà Hồ Thị Kim P

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Á Châu: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu của các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và khế ước nhận nợ đã giao kết tạm tính đến ngày 08/10/2019 là 10.932.833.212 đồng (gồm nợ gốc 2.497.413.296 đồng; Lãi trong hạn 589.051.348 đồng; Lãi quá hạn 7.846.368.568 đồng). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/10/2019 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu có quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 173/25/19 đường Quốc lộ 1 (số mới là 173/25/19 N, khu phố A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Phú X và bà Trần Thị Q để thu hồi nợ. Trường hợp bên vay trả đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả cho bên thế chấp bản chính các giấy tờ đang giữ được liệt kê cụ thể trong hợp đồng thế chấp.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 405.013.942 (bốn trăm lẻ năm triệu không trăm mười ba ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Việt Hoài T và Bà Hồ Thị Kim P phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo chứng thư bảo lãnh ngày 09/12/2013, buộc Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh ngày 18/9/2011, 09/12/2013 trong trường hợp bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 118.932.833 (một trăm mười tám triệu chín trăm ba mươi hai ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP A chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.200.558 (hai mươi triệu hai trăm ngàn năm trăm năm mươi tám đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.758.635 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/06005 ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A 42.558.077 (bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi tám ngàn không trăm bảy mươi bảy đồng).

5.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP A phải chịu 2.000.000 (hai triệu đồng) tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005245 ngày 12/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A 1.000.000 (một triệu đồng) tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung